

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8-T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 -T

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh L.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Văn C – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 8- T.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - T xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 23/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu phố P, ấp A H, xã N, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Phạm Xuân Đ, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh T.
Chỗ ở hiện nay: Số C, đường số I, khu phố N, phường D, thành phố H.

Bà T vắng mặt có đơn vắng mặt;

Ông Đ có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời trình bày trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Năm 2011, bà Trần Thị T và ông Phạm Xuân Đ tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có khả năng hàn gắn. Nay bà T nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên khởi kiện yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị T yêu cầu ly hôn với ông Phạm Xuân Đ.

Về con chung: Có hai con chung là Phạm Xuân Bảo N, sinh ngày 31/7/2012 và Phạm Trần Hiếu N1, sinh ngày 06/3/2017, hiện đang sống với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp con chung. Trong đơn khởi kiện, về cấp dưỡng nuôi con chung, bà T yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải, bà T xác định không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, ông Phạm Xuân Đ trình bày:

Ông Phạm Xuân Đ thống nhất như lời trình bày của bà T về quá trình tìm hiểu, kết hôn, con chung, mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Đ làm ăn thất bại nên không có điều kiện quan tâm chăm sóc vợ con. Đối với yêu cầu của bà T, ông Đ không đồng ý vì còn thương vợ con. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông Đ không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt, bà T xác định trong đơn xin xét xử vắng mặt là giữ nguyên ý kiến. Ông Đ có ý kiến đồng ý ly hôn.

Do bà T vắng mặt không hòa giải được. Tòa án tiến hành xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Ông Phạm Xuân Đ cư trú tại ấp B, xã M, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8- T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. *Về thủ tục giải quyết:* Vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, không phải thu thập thêm tài liệu chứng cứ và đương sự có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về việc giải quyết vắng mặt bà Trần Thị T:* Bà Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 320 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà T.

[4]. *Về hôn nhân:* Ngày 11/11/2011, bà Trần Thị T và ông Phạm Xuân Đ xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh H nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

[5]. *Về yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T:*

[5.1]. *Về yêu cầu ly hôn*: Bà Trần Thị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm, cãi vã dẫn đến mâu thuẫn. Mâu thuẫn xảy ra thời gian dài, hai bên không giải quyết được. Ông Đ cũng thừa nhận có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Đ làm ăn thất bại nên không có điều kiện quan tâm chăm sóc vợ con. Ông Đ đồng ý ly hôn. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ là có thật và trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Đ.

[5.2]. *Về con chung*: Hai con chung là Phạm Xuân Bảo N, sinh ngày 31/7/2012 và Phạm Trần Hiếu N1, sinh ngày 06/3/2017, hiện đang sống với bà T. Hai con chung đều có nguyện vọng sống với bà T. Ông Phạm Xuân Đ không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà T.

[5.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông Phạm Xuân Đ không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Trần Thị T thay đổi yêu cầu là không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5.4]. *Về tài sản chung*: Bà Trần Thị T trình bày không có yêu cầu giải quyết, ông Phạm Xuân Đ thống nhất nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến các đương sự về việc không có yêu cầu giải quyết tài sản chung.

[5.5]. *Về nợ chung*: Bà Trần Thị T trình bày không có, ông Phạm Xuân Đ thống nhất, cũng không có ai yêu cầu về nợ chung nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến các đương sự về việc không có nợ chung.

[6]. *Về án phí*: Bà Trần Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo thủ tục rút gọn là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 322 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T đối với ông Phạm Xuân Đ.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Phạm Xuân Đ.

2. Về con chung: Bà Trần Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Phạm Xuân Bảo N, sinh ngày 31/7/2012 và Phạm Trần Hiếu N1, sinh ngày 06/3/2017, hiện đang sống với bà T.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phạm Xuân Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

5. Về tài sản chung: Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Trần Thị T và ông Phạm Xuân Đ về việc không có yêu cầu giải quyết tài sản chung.

6. Về nợ chung: Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Trần Thị T và ông Phạm Xuân Đ về việc không có nợ chung.

7. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0000975 ngày 16 tháng 7 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8- T, hoàn trả bà T số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

8. Ông Phạm Xuân Đ có quyền kháng cáo trong hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND khu vực 8- T;
- Phòng.THADS khu vực 8- T;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Ấn văn.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L